

Bản án số: 18/2022/DSPT

Ngày: 08/02/2022

V/v “tranh chấp quyền sử dụng  
đất và bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

*Các Thẩm phán:*

Bà Võ Bích Hải

Bà Trần Thị Thanh Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên  
tòa:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/01 và 08/02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2021/TLPT- DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về “tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2021/DS – ST ngày 25 tháng 06 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị đại diện ủy quyền của bà Đào Thị N2 và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn N1 kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 327/2021/QĐPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Lương Văn N1**, sinh năm 1944 (Chết năm 2019); bà **Đào Thị N2**, sinh năm 1942;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N1:*

1.1. Bà **Đào Thị N2**, sinh năm 1942.

1.2. Bà **Lương Thị P1**, sinh năm 1964.

1.3. Chị **Lương Thị L1**, sinh năm 1972.

1.4. Anh **Lương Phước Th**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ

1.5. Anh **Lương Văn N3**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

1.6. Chị **Lương Thị T1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Bà Đào Thị N2, Huỳnh Thị Ngọc N4, Lương Thị P1, Lương Thị L1, Lương Văn N3, Lương Thị T1 cùng ủy quyền cho anh Lương Phước Th (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Lương Bá H1**, sinh năm 1944. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Ngô Ngọc L2**. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Bà **Lương Ngọc T2**. Vắng mặt tại phiên tòa

3.3. Bà **Lương Ngọc H2**. Vắng mặt tại phiên tòa

3.4. Bà **Lương Thúy P2**. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.5. ông **Lương Hữu Đ**. Vắng mặt tại phiên tòa

3.6. Bà **Lương Thị D**. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.7. Bà **Lương Thúy K**. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: ấp Rạch Chùa, KV5, P. Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.

3.8. Bà **Lương Thị P1**, sinh năm 1964.

3.9. Bà **Lương Thị L1**, sinh năm 1972.

3.10. Anh **Lương Phước Th**, sinh năm 1977.

3.11. Chị **Huỳnh Thị Ngọc N4**, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ

3.12. Anh **Lương Văn N3**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3.13. Chị **Lương Thị T1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Thị N2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N1 - anh Lương Phước Th trình bày: Hộ của bà Đào Thị N2 gồm bà Đào Thị N2, ông Lương Văn N1, ông Lương Phước Th và bà Huỳnh Thị Ngọc N4, ngày 30/3/2000, hộ bà Đào Thị N2 được UBND huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 100m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 648, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (cũ) để làm đường dẫn nước cho thửa đất liền kề số 611, diện tích 2.000m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp ngày 20/10/2006 do ông Lương Văn N1 đứng tên. Hai thửa đất nêu trên nằm liền kề với thửa đất số 432, diện tích 6.291m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 17/5/2001 do hộ ông Lương Bá H1 đứng tên và trực tiếp canh tác.

Vào năm 2014, ông H1 tự ý lấp mương để chiếm đoạt toàn bộ thửa đất số 648, sau đó được chính quyền địa phương hòa giải nên ông H1 đã đào đất trả lại con mương đến năm 2015 thì ông H1 tiếp tục lấp mương để chiếm đoạt thửa đất số 648 nêu trên và làm cho thửa đất số 611 không canh tác được. Việc lấp mương chiếm đoạt đất là do ông Lương Bá H1 làm, vợ và các con ông H1 không có tham gia vì vợ và các con ông H1 đã ở riêng, không trực tiếp canh tác phần diện tích đất này. Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu ông Lương Bá H1 trả lại phần đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 648 và bồi thường số tiền 8.000.000 đồng tính đến ngày khởi kiện nhưng thời gian đã lâu và phần diện tích đất tại thửa đất số 611 không canh tác được nên ông yêu cầu khoản tiền bồi thường do việc ông H1 lấn chiếm thửa 648 nên thửa đất phía sau của hộ ông N1 bà N2 không canh tác được, thiệt hại 01 năm do không trồng lúa được là 5.000.000 đồng tính đến thời điểm này là 05 năm = 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

*Bị đơn ông Lương Bá H1 trình bày:* Ông có canh tác phần diện tích đất thuộc thửa đất số 432 diện tích 6.291m<sup>2</sup> do hộ ông H1 đứng tên trên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất nằm liền kề với thửa đất số 648 và thửa đất số 611 cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Phần vị trí đất tranh chấp là 01 con mương được ông cùng với chị của ông đào vào khoảng năm 1975, con mương này dẫn nước vào thửa đất số 611 như ông Th trình bày. Do con mương này thuộc thửa đất số 432 do hộ ông đứng tên nên vào năm 2016 ông đã lấp con mương này để canh tác lúa. Khi lấp mương thì do một mình ông lấp, vợ và các con của ông không có tham gia.

Vào ngày 17/5/2001, hộ ông được UBND huyện Ô Môn (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số 02287 trong đó có thửa đất số 432 diện tích 6.291m<sup>2</sup> nhưng thực tế chỉ do 01 mình ông canh tác, sử dụng, vợ và các con của ông ở nhà riêng tại quận Ô Môn nên không trực tiếp canh tác. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn N1 và bà Đào Thị N2 vì phần diện tích đất tranh chấp này nằm trong thửa số 432 của ông nên ông lấp mương lại, qua đo đạc thực tế đất ông bị thiếu so với giấy chứng nhận khoảng 90m<sup>2</sup>.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Đào Thị N2, Huỳnh Thị Ngọc N4, Lương Thị P1, Lương Thị L1, Lương Văn N3, Lương Thị T1 có đại diện ủy quyền là anh Lương Phước Th trình bày:* anh là đại diện ủy quyền của bà N2, chị N4, Chị P1, Chị L1, anh N3, chị T1 anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị N2 và ông Lương Văn N1, yêu cầu ông Lương Bá H1 trả lại phần diện tích đất thuộc thửa đất số 648 nêu trên và bồi thường thiệt hại do không canh tác được thửa đất số 611 cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc hiện nay tại ấp Đ, xã Đ, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông Lương Bá H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lương Ngọc H2, ông Lương Hữu Đ trình bày:* bà H2, ông Đ là thành viên trong hộ gia đình của ông H1, vụ tranh chấp đất giữa ông N1 bà N2 và ông H1 thì bà H2 ông Đ không có ý kiến gì, thống nhất với ý kiến của ông H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Ngô Ngọc L2, bà Lương Ngọc T2, bà Lương Thúy P2, bà Lương Thị D, bà Lương Thúy K vắng mặt nên không rõ ý kiến.

Tại bản án sơ thẩm số 100/2021/DS - ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn N1 bà Đào Thị N2. Buộc bị đơn ông Lương Bá H1 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn phần diện tích đất lấn chiếm là 91.8m<sup>2</sup> theo mảng trích đo địa chính số 957/2017 ngày 27/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, đất thuộc thửa 648, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (Có đính kèm mảng trích đo).

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền thiệt hại do không trồng lúa được trong 05 năm số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, chi phí do đặc, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản án trên đã bị người đại diện ủy quyền của bà N2 và những người thừa kế quyền lợi nghĩa vụ tố tụng của ông N1 kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án và không có cung cấp thêm chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm Chủ tọa, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Thửa đất số 648 diện tích 100m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (cũ) do hộ bà Đào Thị N2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 02454 ngày 30/3/2000, phần đất này gia đình bà N2 làm đường dẫn nước vào thửa đất số 611 diện tích 2.000m<sup>2</sup> do ông Lương Văn N1 đứng tên GCNQSDĐ số H00670 ngày 20/10/2006. Hai thửa đất nêu trên nằm liền kề với thửa đất số 432 diện tích 6.291m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 02, do hộ ông Lương Bá H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02287 ngày 17/5/2001.

Ông Lương Bá H1 cho rằng đất của ông còn thiếu so với giấy chứng nhận nên đã chiếm phần đất thửa 648 của hộ bà N2 và lắp con mương dẫn nước vào thửa đất số 611 của gia đình bà N2, ông N1. Theo trích đo địa chính số 957 ngày 27/6/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T thì gia đình bà N2 sử dụng thửa 648 chỉ còn 8,5m<sup>2</sup>, phần đất ông H1 lấn chiếm và đang tranh chấp có diện tích 91,8m<sup>2</sup>. Nếu cộng phần đất gia đình bà N2 đang sử dụng và phần đất đang tranh chấp là 100,3m<sup>2</sup>, tương đương với GCNQSDĐ mà hộ gia đình bà N2 được cấp. Phía nguyên đơn và bị đơn thừa nhận, ông H1 là người trực tiếp lấn chiếm đất, vợ và các con ông H1 không có tham gia, vì vợ và các con ông H1 đã ở riêng, không trực tiếp canh tác phần diện tích đất này. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc phía ông H1 trả lại phần đất này là cho phía nguyên đơn là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm thì phía ông H1 cũng không kháng cáo.

Phía nguyên đơn kháng cáo yêu cầu ông H1 bồi thường thiệt hại do hành vi lấn chiếm đất, lắp đường nước dẫn vào thửa đất số 611 diện tích 2.000m<sup>2</sup>, không có nước tưới tiêu nên làm thất thu 02 vụ màu, 01 vụ lúa.

Biên bản hòa giải ngày 16/3/2016 tại UBND xã Đ, huyện T, ông N1 đã đề cập việc ông H1 chiếm đất, lắp đường nước dẫn đến không có nước tưới tiêu, làm thất thu mùa màng, UBND xã cũng xác định đất của phía nguyên đơn nên yêu cầu ông H1 trả lại hiện trạng ban đầu. Đến ngày 23/3/2016, ông H1 khắc phục một phần. Nhưng sau đó, ông H1 tiếp tục lắp đường nước, sự việc này diễn ra nhiều lần, trong một thời gian dài. Tại Tờ trình số 284 ngày 21/11/2016 của UBND xã Đ cũng thể hiện: mặc dù được các thành viên và chủ tọa cuộc hòa giải phân tích việc đúng sai, quyền lợi giữa hai bên cũng như kết luận của chủ tọa cuộc họp, buộc phía ông H1 trả lại hiện trạng ban đầu do ông tự ý gây thiệt hại trong 02 vụ hoa màu và một vụ lúa vừa qua cho phía ông N1, ông H1 không bồi thường thiệt hại do ông gây ra, và có thái độ thách thức phía ông N1 cũng như những người trong hội đồng hòa giải, coi thường pháp luật. Như vậy, thiệt hại do hành vi của ông H1 gây ra cho phía nguyên đơn là có. Nhưng cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ thực tế phía nguyên đơn bị thiệt hại hoa màu, vụ lúa là bao nhiêu, nhưng lại bác khởi kiện đối với yêu cầu này của nguyên đơn là không đúng.

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2016, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H1 trả diện tích đất 100m<sup>2</sup> và bồi thường thiệt hại số tiền 8.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tăng mức yêu cầu bồi thường thiệt hại

lên 20.000.000 đồng nhưng không làm đơn khởi kiện bổ sung theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn tiếp tục tăng mức yêu cầu bồi thường thiệt hại lên 25.000.000 đồng là vượt quá khởi kiện ban đầu. Nên chỉ xem xét mức bồi thường thiệt hại trong phạm vi khởi kiện ban đầu là 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/01/2022, bị đơn thừa nhận, đất gần khu vực tranh chấp mỗi năm canh tác sau khi trừ chi phí, lãi từ 04 triệu đến 05 triệu. Bị đơn lấp đường nước làm cho phía nguyên đơn không canh tác được gây thiệt hại mùa màng cho phía nguyên đơn trong nhiều năm là có, nên bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Căn cứ lời thừa nhận của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/01/2022, buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho phía nguyên đơn với số tiền 8.000.000 đồng như đơn khởi kiện là có cơ sở.

Ngoài ra, về án phí dân sự sơ thẩm, cấp sơ thẩm tuyên: do yêu cầu của nguyên đơn không chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí 1.250.000 đồng... là chưa rõ ràng, cụ thể, vì trong vụ án này có bà N2 là nguyên đơn đồng thời cũng là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N1 và có 05 người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N1. Trong trường hợp này cần xem xét bà N2 là người cao tuổi nên được xét miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 (áp dụng nguyên tắc có lợi cho đương sự) và cần phải tuyên cụ thể những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N1 còn lại phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận mới phù hợp với cách giải quyết của cấp sơ thẩm.

Vụ án này được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 22/12/2016, trước Nghị quyết 326/2016 có hiệu lực. Lẽ ra cấp sơ thẩm phải áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí mới đúng, nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng Nghị quyết 326/2016 là sai. Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm buộc ông H1 trả đất cho nguyên đơn, đây là trường hợp tính án phí không có giá ngạch theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, nhưng cấp sơ thẩm lại căn cứ giá trị đất để tính án phí là sai.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Sửa bản án sơ thẩm: chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lương Phước Th, buộc ông Lương Bá H1 bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn (có những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng) số tiền 8.000.000 đồng.

- Sửa án phí sơ thẩm theo hướng đã phân tích trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết 02 vấn đề, đó là tranh chấp về quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại”. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là chưa đầy đủ cần điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại”.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà N2 và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N1, có đại diện ủy quyền là ông Lương Phước Th: Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của ông Lương Phước Th tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn – ông Lương Bá H1 bồi thường thiệt hại số tiền 25.000.000 đồng do bị đơn lấn chiếm và san lấp đường mương dẫn nước dẫn đến việc nguyên đơn không có nước để trồng lúa được.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất nguyên đơn, bị đơn tranh chấp có diện tích 91,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 648 diện tích 100m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (cũ) do hộ bà Đào Thị N2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 02454 ngày 30/3/2000. Phần đất này gia đình bà N2 làm đường dẫn nước vào thửa đất số 611 diện tích 2.000m<sup>2</sup> do ông Lương Văn N1 đứng tên GCNQSDĐ số H00670 ngày 20/10/2006 để canh tác. Hai thửa đất nêu trên nằm liền kề với thửa đất số 432 diện tích 6.291m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 02, do hộ ông Lương Bá H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02287 ngày 17/5/2001.

[2.2] Ông Lương Bá H1 cho rằng phần đất tranh chấp là của ông do ông đã canh tác từ năm 1975 và hiện tại đất ông đang sử dụng còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Tuy nhiên, theo mảnh trích đo địa chính số 957 ngày 27/6/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thành phố Cần Thơ, bút lục số 102, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lương Bá H1, bút lục số 97 thể hiện, đất của ông H1 có một phần giáp kênh thủy lợi và qua xác minh tại địa phương, bút lục số 120, thì diện tích bề rộng của con kênh có sự thay đổi do bị sạt lở, trước đây chiều rộng 04m nay 05m. Những cơ sở trên cho thấy nguyên nhân dẫn đến đất của ông H1 còn thiếu so với giấy chứng nhận là do quá trình sử dụng đất bị sạt lở tự nhiên.



[2.3] Đối với phần đất của nguyên đơn, theo bản trích đo địa chính số 957 ngày 27/6/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T thì thực tế gia đình bà N2 sử dụng thửa 648 chỉ còn 8,5m<sup>2</sup>, còn thiếu rất nhiều so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu cộng phần đất gia đình bà N2 đang sử dụng với phần đất 91,8m<sup>2</sup> ông H1 đang sử dụng có tranh chấp với nguyên đơn thì tổng diện tích là 100,3m<sup>2</sup>, tương đương với GCNQSDĐ mà hộ gia đình bà N2 được cấp. Như vậy, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã lấn chiếm, sử dụng đất của nguyên đơn là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ kiện phía nguyên đơn và bị đơn thừa nhận, ông H1 là người trực tiếp lấn chiếm đất, vợ và các con ông H1 không có tham gia, vì vợ và các con ông H1 đã ở riêng, không trực tiếp canh tác phần diện tích đất này. Vì vậy, cấp sơ buộc phía ông H1 trả lại phần đất này là cho phía nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn không có kháng cáo đối với quyết định buộc ông trả lại phần đất 91,8m<sup>2</sup> cho nguyên đơn xem như bị đơn đã thống nhất với quyết định giải quyết của cấp sơ thẩm.

[2.4] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn:

- Về số tiền yêu cầu: Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2016, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 8.000.000đồng, quá trình xét xử sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 25.000.000đồng, tăng 17.000.000đồng so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Phần yêu cầu tăng thêm này nguyên đơn không có đơn khởi kiện bổ sung và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định. Do đó, phần yêu cầu bồi thường tăng thêm của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử chỉ xem xét mức bồi thường thiệt hại trong phạm vi khởi kiện ban đầu là 8.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm bồi thường: Như đã nhận định trên, phần đất tranh chấp xác định thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn, bị đơn thừa nhận đã tự ý san lấp con mương dẫn đến nguyên đơn không có nước canh tác lúa cho thửa đất 611. Tại Biên bản hòa giải ngày 16/3/2016 tại UBND xã Đình Môn, huyện T, bút lục số 06-08, ông N1 đã đề cập việc ông H1 chiếm đất, lấp đường nước dẫn đến không có nước tưới tiêu, làm thất thu mùa màng, ông H1 cũng thừa nhận điều này cho thấy thiệt hại xảy ra cho phía nguyên đơn là có. Do ông H1 có hành vi san lấp mương gây thiệt hại cho phía nguyên đơn nên ông phải có trách nhiệm bồi thường. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận, đất gần khu vực tranh chấp với 1000m<sup>2</sup> mỗi năm canh tác sau khi trừ chi phí, lãi từ 04 đến 05 triệu đồng. Diện tích đất của nguyên đơn theo thửa 611 bị thiệt hại là 2.000m<sup>2</sup>, do vậy

buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho phía nguyên đơn với số tiền 8.000.000 đồng như đơn khởi kiện là có căn cứ. Do đó yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về bồi thường thiệt hại là có cơ sở chấp nhận một phần. Cấp sơ thẩm bác yêu cầu nguyên đơn đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại là do nguyên đơn chưa cung cấp được chứng cứ về thiệt hại nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn có thừa nhận mức thiệt hại nên đây là lỗi khách quan.

Ngoài ra, tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp quyền sử dụng đất, thuộc trường hợp tính án phí không có giá ngạch, nhưng cấp sơ thẩm lại căn cứ giá trị đất để tính án phí là chưa phù hợp.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Vụ án này được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 22/12/2016 trước ngày Nghị quyết 326/2016 có hiệu lực nên áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông H1 là người cao tuổi và tại thời điểm xét xử sơ thẩm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 có hiệu lực nên áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ông H1 thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

-Về án phí dân sự phúc thẩm: 300.000đồng, do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H1 phải chịu. Ông H1 được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở và cũng cùng nhận định với Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lương Phước Th.
2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 100/2021/DS - ST ngày 25/06/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị N2 và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn N1.

Buộc bị đơn ông Lương Bá H1 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn phần diện tích đất lấn chiếm là 91,8m<sup>2</sup> theo mảng trích đo địa chính số 957/2017 ngày 27/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, đất thuộc thửa 648, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (Có đính kèm mảnh trích đo).

Buộc bị đơn trả số tiền thiệt hại cho nguyên đơn, bà Đào Thị N2 và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lương Văn N1 số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H1 phải chịu. Ông H1 được xét miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 (áp dụng nguyên tắc có lợi cho đương sự). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2013/000724 ngày 19 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ.

2.4. Về chi phí đo đạc, thẩm định tài sản: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) bị đơn phải chịu, nguyên đơn đã nộp 3.000.000 đồng, bị đơn nộp 3.000.000 đồng, bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

2.5. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông H1 phải chịu. Ông H1 được xét miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 (áp dụng nguyên tắc có lợi cho đương sự). Ông Lương Phước Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/003604 ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Tuyết Loan**



